

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/DS-ST.

Ngày: 06-9-2018.

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2018/QĐ.HPT ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam A.

Trụ sở: Số 89 B, quận C, Thành phố D.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 Phan Xích Long, phường 7, quận E, Thành phố F.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng. (Văn bản ủy quyền số: 04/2017/UQ-HĐQT, ngày 18/01/2017).

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Thanh M và ông Trần Duy N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 13241/2018/UQ-VPB, ngày 11/6/2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1968, trú tại ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 01 năm 2018 lời khai của ông Phan Thanh M đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam A trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam A (viết tắt Thương mại cổ phần TMCP) chi nhánh tại Thành phố F đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thanh H. Theo đó, những hợp đồng tín dụng mà ông H đã ký với Ngân hàng là hợp đồng số: 3636107 giải ngân ngày 10/6/2015 căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 03/6/2015 số tiền vay là 95.000.000 đồng, lãi suất 22% thời gian vay là 48 tháng, mục đích vay là sửa chữa nhà và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P771726 mở ngày 09/6/2015 căn cứ vào giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng tín dụng ngày 01/6/2015 hạn mức 20.000.000 đồng, lãi suất 31,08%.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký, phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông H thanh toán, nhưng ông H cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Thanh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền như sau:

Hợp đồng tín dụng số 3636107; 06 kỳ vào các ngày 10/7/2015; 10/8/2015; 10/9/2015; 10/10/2015; 10/11/2015 và 10/12/2015 với tổng số tiền là 12.183.750 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.100.796 đồng, nợ tiền lãi là 7.082.954 đồng. Kể từ ngày 10/11/2015 cho đến nay ông H không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Do đó, kể từ ngày 10/11/2015 toàn bộ nợ dư của ông H tại Ngân hàng sẽ chuyển thành nợ quá hạn, ông H phải chịu thêm lãi quá hạn phát sinh.

Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P771726 ông H đã rút tiền và không thanh toán cho Ngân hàng theo quy định dẫn đến nợ quá hạn vào ngày 08/9/2015.

Tính đến ngày 06/9/2018 tổng số nợ của ông H tại Ngân hàng là 221.297.902 đồng. Trong đó, cụ thể các hợp đồng như sau:

- Nợ gốc hợp đồng tín dụng số 3636107 là 89.899.204 đồng.
- Nợ lãi hợp đồng tín dụng số 3636107 là 86.539.406 đồng.
- Nợ gốc hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-771726 là 18.552.038 đồng.
- Nợ lãi của hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-771726 là 26.307.254 đồng.

Nay ông N đại diện theo uỷ quyền yêu cầu ông H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên. Tính đến ngày 06/9/2018, kể từ ngày 07/9/2018 ông H không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng ông H phải chịu tiền lãi suất phát sinh mức lãi suất theo các hợp đồng giữa Ngân hàng và ông H đã ký.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bé T trình bày: Việc ông H vay Ngân hàng số tiền trên bà hoàn toàn không biết. Mặt khác, bà và ông H đã ly hôn nên việc quan hệ tiền vay của ông H bà không có trách nhiệm liên đới với ông H.

Lời trình bày bổ sung của ông N ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể ông không yêu cầu bà Lê Thị Bé T là vợ của ông H cùng có trách nhiệm trong số tiền trên, ông chỉ yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H không có ý kiến phản hồi trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A. Ông H cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Ông N đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử Quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A đối với ông Nguyễn Thanh H. Hội đồng xét xử, xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, Ngân hàng TMCP Việt Nam A có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thấy rằng giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam A với ông Nguyễn Thanh H có ký kết hợp đồng tín dụng số 3636107, ngày 09/6/2015 với số tiền vay là 95.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 22%, mục đích vay là để sửa nhà thời hạn vay là 48 tháng. Ngoài ra giữa Ngân hàng và ông H còn có hợp đồng thế tín dụng số 325-P-771726 vào ngày 01/6/2015 hạn mức 20.000.000 đồng, lãi suất 31,08%.

Sau khi giữa Ngân hàng và ông H thực hiện xong hai hợp đồng trên thì ông H có thanh toán cho Ngân hàng một khoản tiền như sau: tháng 7, tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 và tháng 12 năm 2015. Tổng số tiền là 12.183.750 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.100.796 đồng, nợ lãi là 7.082.954 đồng. Kể từ ngày 10/01/2016 cho đến nay ông H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, nên căn cứ vào hợp đồng giữa Ngân hàng và ông H đã ký thì toàn bộ dư nợ của ông Hùng tại Ngân hàng sẽ chuyển thành nợ quá hạn nên ông H phải chịu thêm lãi quá hạn phát sinh. Tính đến ngày 06/9/2018 ông H còn nợ Ngân hàng của hợp đồng tín dụng số 3636107 nợ gốc là 89.899.204 đồng, nợ tiền lãi là 86.539.406 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-771726 ông H đã rút hết số tiền trên và không thanh toán cho Ngân hàng theo quy định dẫn đến nợ quá hạn vào ngày 08/9/2015. Tính đến thời điểm ngày 06/9/2018 ông Hùng còn phải nợ Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 325-P-771726 nợ gốc là 18.552.038 đồng, nợ lãi là 26.307.254 đồng.

[4] Đối với Ông H mặc dù biết Ngân hàng TMCP Việt Nam A khởi kiện yêu cầu ông thanh toán tiếp số tiền còn nợ tính đến thời điểm ngày 06/9/2018 là 221.297.902 đồng nhưng ông H không phản hồi ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ông H không phản đối những chứng cứ yêu cầu Ngân hàng TMCP Việt Nam A đưa ra thì xem như ông H thừa nhận chứng cứ của Ngân hàng TMCP Việt Nam A nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 221.297.902 đồng tính đến thời điểm ngày 06/9/2018.

[5] Đối với phần lãi quá hạn, sau khi hết thời hạn vay, lãi chậm thi hành án ông Hà đại diện cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam A được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b, khoản 2, điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với ông Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 221.297.902 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai đồng*), trong đó: Nợ tiền gốc còn lại của hai hợp đồng là 108.451.242 đồng, nợ tiền lãi 112.846.660 đồng.

2. Án phí: Ông Nguyễn Thnah H phải chịu 11.064.895 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 4.910.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002494 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Văn Tài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Hùng - Nguyễn Thanh Hoàng

Nguyễn Văn Tài